

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13/12/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thị Dung

2. Ông Trần Duy Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Ngày 13/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2022/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/QQĐST-HNGĐ ngày 07/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L - sinh năm: 1990

Trú tại: Bản 5, xã H, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai - có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Văn Q - sinh năm: 1988

Trú tại: Bản 5, xã H, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt (Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai năm 2008. Sau kết hôn anh chị sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q lêu lổng không tu trí làm ăn, không quan tâm đến gia đình từ đó vợ chồng thường xuyên đánh, cãi, chửi nhau. Sự việc xảy ra vợ chồng tìm cách khắc phục, hai bên gia đình cũng tham gia, khuyên bảo nhưng không thành. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn Q để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị V sinh ngày 21/07/2008 và Trần Hải Y sinh ngày 01/7/2013 hiện nay các cháu phát triển khỏe mạnh bình thường và do chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn Q: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Q không tuân thủ quy định của pháp luật, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Phạm Thị L làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Trần Văn Q và giải quyết nuôi con sau khi ly hôn; anh Q cư trú tại huyện Bảo Yên, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không hợp tác với Tòa án, không làm bản tự khai, không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa vì thế Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Trần Văn Q tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai năm 2008, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Anh chị có thời gian sống hạnh phúc, tuy nhiên hôn nhân hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, từ đó vợ chồng thường xuyên đánh, cãi, chửi nhau, bố mẹ hai bên nội ngoại và chính quyền địa phương cũng xác nhận tình trạng mâu thuẫn của anh Q, chị L và nguyên nhân là do anh Q lêu lổng không tu trí làm ăn, không quan tâm đến vợ con và thực tế anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 không quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh Q và chị L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần cho ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần Thị V sinh ngày 21/07/2008 và Trần Hải Y sinh ngày 01/7/2013. Tại các lời khai chị L có nguyện vọng nuôi cả 02 cháu và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con

chung. Xét thấy chị L và anh Q đều có quyền và nghĩa vụ nuôi con chung, tuy nhiên từ năm 2018 là thời điểm anh chị sống ly thân đến nay các cháu do chị L trực tiếp nuôi dưỡng hiện nay các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường và mức thu nhập của chị L 10.000.000đ (Mười triệu đồng)/tháng. Đối với anh Q không quan tâm đến các cháu, lêu lổng không tu trí làm ăn vấn đề này người thân trong gia đình anh Q và chị L cũng như chính quyền địa phương thừa nhận. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu cần giao cháu Trần Thị V và Trần Hải Y cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của các cháu.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 227, 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Trần Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị V sinh ngày 21/07/2008 và Trần Hải Y sinh ngày 01/7/2013 cho chị Phạm Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh Trần Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn anh Trần Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001515 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niên yết

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (1);
- VKSND tỉnh+ huyện(2);
- THADS huyện (1);
- UBND xã H (01);
- Các đương sự (2);
- Lưu HS; VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Tiên